

GIA LONG VỚI CHỦ TRƯỞNG CẢI TỔ BỘ MÁY QUẢN LÝ VÀ PHONG TỤC LÀNG XÃ

BÙI XUÂN ĐÍNH

Trong lịch sử Việt Nam, kể từ buổi đầu dựng nước nói chung và lịch sử chế độ phong kiến nói riêng, làng xã luôn giữ vị trí và vai trò hết sức quan trọng trên tất cả các lĩnh vực đời sống kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội của đất nước. Làng vốn là đơn vị tụ cư của người nông dân, dần dần được Nhà nước phong kiến lập thành đơn vị hành chính cấp cơ sở theo kiểu "nhất xã, nhất thôn" hay "nhất xã nhị thôn, tam thôn"... nhằm đảm bảo các nguồn thu về thuế, phu và lính. Nhà nước ở thời đại nào cũng đề ra những chính sách nhằm quản lý được các làng xã. Nội dung của "quản lý làng xã" rất rộng, gồm nhiều vấn đề. Trước đây, vấn đề quản lý làng xã dưới thời Nguyễn đã có nhà nghiên cứu đề cập đến⁽¹⁾. Trong bài viết này, chúng tôi chỉ khoanh lại ở hai phạm vi "bộ máy quản lý" và "phong tục làng xã" dưới thời Gia Long. Việc nhìn nhận khách quan chính sách của Gia Long đối với làng xã góp phần vào việc đánh giá lại vương triều Nguyễn hiện nay.

Như nhiều người đã biết, năm Nhâm Tuất 1802, Nguyễn Ánh đánh bại nhà Tây Sơn, lập ra triều Nguyễn, đặt niên

hiệu là Gia Long (1802 - 1819). Ngay sau khi lên ngôi, trong hàng loạt chính sách nhằm ổn định đất nước đã trải qua hơn 30 năm nội chiến, vua Gia Long rất quan tâm tới vấn đề làng xã. Ông đặc biệt đề cao vai trò của làng xã, coi việc đối xử với nó là một quốc sách trị nước. Điều đó đã được ông khẳng định trong chiếu về định Điều lệ hương đảng cho các xã dân ở Bắc Hà: "Nước là hợp các làng mà thành. Từ làng đến nước, dạy dân nên tục, vương chính lấy làng làm trước"⁽²⁾. Và ông nung nấu một ý chí cải tổ làng xã. Tuy nhiên, Gia Long lên ngôi trong bối cảnh làng xã người Việt đã trải qua một thời kỳ khủng hoảng Nhà nước lâu dài. Từ cuối thời kỳ Lê - Trịnh trở đi, Nhà nước phong kiến đã hoàn toàn bất lực trong việc quản lý làng xã, trước hết là quản lý bộ máy hành chính của các đơn vị đó. Hậu quả của sự bất lực đó đã đem lại cho làng xã hai tệ nạn hết sức nặng nề, đề lên cuộc sống người nông dân. Đó là, nạn *hào cường* và những *hủ tục thôn xã*. Đầu thế kỷ XIX, khi cuộc nội chiến giữa các tập đoàn phong kiến kết thúc, các làng xã với cơ cấu tổ chức cũ cùng những hủ tục của chúng được "định hình lại". Điều đó được phản ánh ngay trong chiếu về "Định điều

⁽¹⁾ Vũ Hồng Quân, *Nhà Nguyễn với vấn đề quản lý nông thôn ở thế kỷ XIX / Kinh nghiệm tổ chức quản lý nông thôn Việt Nam trong lịch sử*, Nxb Chính trị Quốc gia, H. 1994, tr. 91 - 127

⁽²⁾ *Đại Nam thực lục chính biên*, tập III, Nxb Sử học, H. 1964, tr. 162. Các chú thích dưới đây đều thuộc sách này.

lệ hương đảng cho các xã dân ở Bắc Hà" (từ đây gọi tắt là **Điều lệ hương đảng - ĐLHD**): "Gần đây giáo dục trẻ nãi, chính sự suy đồi, làng không tục hay, noi theo đã lâu, đắm chìm quá đời". Những biểu hiện cụ thể về chính sách suy đồi của làng xã mà Gia Long đưa ra là:

I. Về bộ máy quản lý làng xã:

Đầu thời Nguyễn, bộ máy quản lý làng xã đã trở thành bộ máy với đầy đủ các khuyết tật của nó. Trước hết là nạn đục khoét công quỹ: "Gần đây có kẻ mượn cơ việc làng, họp nhau để chè chén, tiêu phí một bữa là 3, 4 quan, nhiều hơn là 10 quan, nếu đóng góp chưa kịp thì bắt xã trưởng thôn trưởng vay nợ cầm áo mà ứng biến, đến kỳ thu thuế thì vượt lệ bội thu mà bù vào phí trước, trên thì quy oán cho quan ty, dưới thì bóc lột của dân nghèo" (tr. 162 - 163). Sau nữa là tình trạng lạm dụng quyền lực của làng xã và lệ làng để ức hiếp, khống chế nông dân, xử phạt không theo nguyên tắc: "Gần đây có kẻ vin vào lệ làng, bói lông tìm vết, bắt phạt không nghe thì đem giam cầm" (tr. 163).

II. Về hủ tục thôn xã:

Chiếu về ĐLHD của vua Gia Long đã chỉ ra các hủ tục trong làng xã.

1. *Trong cưới xin*: Lệ thách cưới và ăn uống linh đình, các nghi lễ phiền phức và tốn kém.

2. *Trong tang ma*: Khoản lệ của làng về tang ma quá nặng nề, dẫn đến "nhà người có tang ăn uống kể đến mấy lân, cỗ bàn phải có nhiều món, danh là báo hiếu, thực là nợ miệng, noi nhau thành thói, người giàu thì lẩn lẽ vượt phạm để phô mẽ với người ta, người nghèo thì vay nợ đợ mình đến nổi thất sở" (tr. 164). Cùng với đó là tình trạng mê tín trong tang ma như mời thầy địa lý để chọn đất chôn cất: "Gần đây có kẻ tính việc kết phát, nhẹ dạ nghe lời thầy địa lý, sáng chôn chiều bói, di cải không thường, tấm

lòng thương xót không còn gì nữa" tr. 165).

3. *Trong khao vọng*: Lệ làng đối với người thành đạt cũng rất nặng: "Khi có người trúng khoa trường, hay được vua ban sắc mệnh, người làng vin vào tục lệ, đòi thết đãi, cỗ bàn ăn uống mấy phen, sau trước theo nhau, gọi là nợ miệng. Đền xong khoản lệ của làng thì mất hết gia tài, làm ăn đến phải lụn bại" (tr. 163).

4. *Trong thờ thần thờ Phật*: Vua Gia Long đã chỉ ra các biểu hiện của hủ tục làng xã:

- Trong thờ thần: "Khi vào đám hát xướng, hoặc xuân tế, thu tế nhiều thì vài mươi ngày, ít tám chín ngày đêm, thường lèo vô số, chèo tuồng hát hồng, ăn uống xa hoa, tiêu không tiếc của. Ngoài ra lại đua thuyền múa rối, đủ mọi thứ trò... Rồi lại bắt đóng góp, hao của tổn tiền" (tr. 166). Vua Gia Long cũng cho rằng, việc các làng xây hoặc tu sửa miếu vũ "cửa ngăn nóc chống, chạm xà vẽ cột, tế khí nghi trượng thì trang sức vàng bạc, màn tán cờ quạt thì thêu thùa văn vẽ" cũng là "hủ tục" và "mê tín dị đoan" (tr. 166).

- Trong thờ Phật: Là tình trạng "xây dựng chùa chiền quá cao, lầu gác rất tráng lệ, đúc chuông tô tượng rất đời dàng hoàng, cùng là làm chay, chạy đàn, mở hội, phí tổn cúng Phật nuôi sư không thể chép hết, để cầu phúc báo viễn vông, đến nỗi tiêu hao màu mỡ" (tr. 167). Cùng với đó là tệ mê tín dị đoan (bói toán đồng cốt): "Nay thói thờ quỷ, mù quáng đã sâu, người ta không hay giữ yên tính mệnh, động đến là xin phù chú, kêu đồng bóng, lập đàn tràng, khua chuông trống, như chiều gió lướt, tập tục theo nhau, làm cho mê hoặc. Kẻ có tà thuật đều giả thác ảo huyền, làm rối tai mắt. Thổi bùa vẽ khoán, tạ pháp an để sinh nhai; chuộc mệnh gọi hồn, xem nhà bệnh là hàng quý. Thậm chí phu đồng thiếp tính, bịa đặt lời thần, cấm

thuốc nhin ăn, làm cho người bệnh không thể chữa được nữa. Lại còn ngựa rơm, người giấy, đập cửa đốt nhà, cùng với mọi thứ bùa thuốc mê hoặc, khiến cho vợ cả ghét chồng, chồng say vợ lẽ, đã dùng thuật để nhiều người, lại gõ cửa đến xin chùa, lừa dối trăm chiêu, thực làm hại lớn cho dân chúng" (tr.167 -168).

Ngoài các tệ tục được vạch ra trong ĐLHĐ trên đây, những bất cập trong bộ máy quản lý và tập tục làng xã còn được phản ánh ở nhiều phương diện khác, như nạn ăn lậu đình điền, nạn hào cường lũng đoạn thôn xóm, khiến cho vua Gia Long phải lo ngại "bọn hào mục nhân đó mà đục khoét, người cùng dân đến nỗi dạt xiêu, thực là bởi cơ ấy" (tr. 162).

Trước tình hình trên đây, Gia Long nung nấu ý đồ cải cách lại bộ máy quản lý và tập tục làng xã: "Nay tham chức thêm bớt, xén chỗ quá đáng, để chỗ vừa phải, lập định lệ cho hương đảng là muốn sửa đổi nguồn tệ về đường chính vậy" (tr. 162).

Trước hết, đối với **bộ máy quản lý làng xã**. Qua phần mở đầu của ĐLHĐ, ta thấy Gia Long rất muốn cải tổ bộ máy quản lý của các đơn vị tự cư - hành chính đó. Tuy nhiên, trong bối cảnh đất nước lúc ấy, việc cải tổ không đơn giản. Gia Long không tìm ra được một giải pháp thoả đáng nên xem ra, chính sách của ông đối với làng xã chưa có gì mới so với trước. Gia Long vẫn phải công nhận tổ chức làng xã cũ, chấp nhận sự tự trị của làng xã và việc bầu xã trưởng, văn xếp xã trưởng, thậm chí thôn trưởng, trang trưởng vào hàng quan lại nhưng chỉ là "tàn giai tông cửu phẩm" nghĩa là hạng phẩm cấp thấp nhất (tr.182). Mặc dù vậy, Gia Long vẫn cố gắng đưa ra một vài biện pháp nhằm khắc phục những yếu kém, bất cập của bộ máy quản lý đó. Cụ thể:

1. *Thể chế hoá việc đặt xã trưởng*: Tháng hai năm Đinh Mão (1807), Gia Long hạ lệnh cho các làng xã từ Nghệ An ra Bắc, xã nào có từ 140 đình trở xuống thì cho đặt một xã trưởng; nếu có trên 150 đình thì cho đặt thêm một thôn trưởng, nếu tăng đến 50 đình thì thêm một thôn trưởng nữa. Các xã thôn trưởng này do quan địa phương cấp bằng làm việc.

2. *Chấn chỉnh cung cách làm làm việc của bộ máy quản lý làng xã*. Trong ĐLHĐ, Gia Long đã đưa ra các biện pháp chính như sau:

- Chấm dứt tình trạng mượn cơ có việc làng để bày đặt ăn uống: "Từ nay về sau, xã dân nào có việc công đáng phải họp bàn thì dùng trâu cau làm lễ, rượu thịt đều cấm" (163).

- Định lại việc xét xử trong làng xã: "Hương trưởng (¹) xử đoán việc làng, cốt ở công bằng hợp lý, làm-lỗi thì khuyên nhau, khiến cho trong nhà ngoài làng đức nên thói tốt... Từ nay về sau dân làng như có lỗi nhỏ thì cho xã dân chiếu lễ mà tỏ bảo phải trái, người trái thì nộp phạt trâu rượu, nếu không phục tình thì cho cáo ở quan sở tại, không được vũ đoán trong làng" (tr. 163).

- Định lại hiệu lệnh khi làng xã có họp hành: "Chuông trống là hiệu lệnh của nhà binh, mà dân gian lẩn dùng. Từ nay về sau phạm có việc gì hoãn cấp hội họp thì cho đánh mõ làm hiệu, không được đánh trống như cũ" (tr. 163).

3. Một biện pháp quan trọng của vua Gia Long là *tăng cường kiểm soát các hoạt động của bộ máy quản lý xã thôn* mà chủ yếu hạn chế tình trạng ăn lậu dân đình và ruộng đất. Việc khai man số đình, số điền để lậu thuế là căn bệnh kinh niên của

(¹). Hương trưởng ở đây là các tiên thứ chỉ, không phải là người phụ trách việc bảo vệ an ninh làng xã về sau.

các làng xã từ nhiều thế kỷ trước. Đây là âm mưu thủ đoạn để vơ vét của các hào lý. Ý thức được vấn đề này, cùng với việc sức cho các làng xã làm sổ địa bạ (năm 1805), khám xét tình hình dân lưu tán (năm 1804), làm sổ hộ tịch (năm 1807), Gia Long đã tăng cường các biện pháp để hạn chế ẩn lậu, một mặt nhằm bảo đảm nguồn thu tài chính của Nhà nước, mặt khác tăng cường kiểm soát chặt chẽ nông thôn.

Năm Đinh Mão (1807), Gia Long xuống chiếu định rõ về tội lậu đinh, trong đó quy định nếu lậu một đinh có gia sản thì xã trưởng bị phạt 60 trượng, nộp 30 quan tiền để thưởng cho người cáo giác; lậu 2 - 3 đinh xã trưởng phải phạt 60 trượng và bị tội đồ một năm, người tố giác được miễn thuế dung, điều 2 năm; lậu từ 4 - 14 đinh xã trưởng bị xử gia bạc tội trượng và đồ, người tố giác được lãnh thưởng gia bạc; lậu từ 15 - 24 đinh, xã trưởng bị tội lưu, người tố giác được miễn thuế dung điều 12 năm, lậu từ 25 đinh trở lên, xã trưởng và vợ con đều bị tội lưu, người tố giác được miễn phu dịch suốt đời. Trường hợp lậu đinh không có gia sản thì bị xử nhẹ hơn. Xã trưởng ăn hối lộ của dân để lậu sổ đến 300 quan thì bị xử tử, thôn trưởng bị xử kềm ba bạc. Nếu người tố giác không đúng sự việc thì bị phản toa" (1) (tr. 328).

Năm Đinh Sửu (1817) định thêm điều lệ về ẩn lậu dân đinh mà khai gian là trốn hay chết. Tiền thưởng cho người tố giác thu một nửa ở xã trưởng, một nửa ở người ẩn lậu. Trong trường hợp người có tên trong sổ khai gian là trốn nếu một đinh thì người ẩn lậu bị đánh 80 trượng, lậu nhiều hơn thì xử nặng hơn. Người còn sống có tên trong sổ mà khai gian là chết thì cứ một đinh xã trưởng bị xử mãn đồ, 2

đinh xử lưu, 3 đinh xử lưu 200 dặm, 4 đinh lưu 2500 dặm... , đến 7 đinh xử giáo giam hậu, 9 đinh xử trăm giam hậu, 12 đinh giáo quyết, 15 đinh trăm quyết. Người tố cáo cứ mỗi đinh được thưởng 15 quan" (tr. 330 - 331).

Một biện pháp khác của vua Gia Long nhằm kiểm soát được làng xã là *can thiệp vào phong tục tập quán*, hạn chế các tệ nạn xã hội và tăng cường hiệu lực pháp luật trong đời sống các đơn vị dân cư đó. Đối với các tập tục, vua cũng sốt sắng một ý đồ cải cách và muốn thống nhất phong tục Bắc - Nam. Ngay trong năm đầu lên ngôi, khi cùng bề tôi bàn về phong tục, ông nói: "Dân Nam Hà vốn thói tản tiện, từ thời Ngụy Tây (2) quen chuộng xa xỉ, tiêu dùng không có tiết độ, nhiều người bất chước, lưu tệ từ đây sinh ra. Dân Bắc Hà thì kiểu quần áo không đẹp. Phải nên một phen sửa định mới có thể đồng nhất phong tục". Tuy nhiên Gia Long cũng cho rằng "sửa đổi phong tục cũng phải dần dần". Trong ĐLHĐ, Gia Long đã đưa ra những ý kiến cải cách của mình:

1. *Về cheo cưới*: Sau khi nhắc lại ý của sách *Kinh* và của Văn Trung Tử về giá thú: "Hôn lễ là mối đầu của đạo người" và "Giá thú mà bàn của cải là thói của mọi rợ", Gia Long cho rằng: "Đại phạm lấy vợ lấy chồng, chẳng qua cốt được cặp đôi mà thôi, còn lễ cưới thì nên châm chước trong sáu lễ, lượng tùy nhà có hay không, chứ không được viết khế cố ruộng. Hương trưởng thu tiền cheo trong lễ cưới thì người giàu thu một quan 2 tiền, người vừa 6 tiền, người nghèo 3 tiền, người làng khác thì gấp đôi" (tr. 163 - 164).

2. *Về tang ma*: Dẫn lời của sách *Kinh*: "Phàm người có tang, ta nên khúm nún giúp đỡ" và sách *Truyện*: "Việc lễ xa phí quá, thà tiết kiệm còn hơn. Việc tang

(1). Phản toa: Kẻ tố cáo sai hoặc vu cáo để người ta chịu tội gì thì lại phải chịu tội đó.

(2). Ngụy Tây tức triều Tây Sơn

bày đặt quá, thà tỏ niềm thương xót thì hơn", Gia Long đã khuyên dân các làng:

- Giúp nhau tổ chức tiết kiệm, từ nay làng có tang thì "làng xóm giúp nhau, nên nghĩ rằng "một nhà có việc trăm nhà bận", đừng bắt một người chết mà muôn người say. Kẻ già thì giúp của, kẻ túng thì giúp sức, kẻ biết lễ thì trông giữ việc tang. Tế táng điếu phúng, hết thảy theo như Gia Lễ của Chu Văn Công, khiến kẻ giàu biết có phận hạn, không quá xa hoa, kẻ nghèo tuy lực có không, không gượng theo tục; còn cỗ bàn ăn uống nhiều ít thì tùy ở nhà có tang, không được vin lệ đòi hỏi" (tr. 164).

- Bỏ việc quá coi trọng chọn đất làm mồ mả sinh ra phiền phức: "Chọn đất chôn cất là việc quan trọng trong sự báo hiếu của người làm con, làm bên quan quách, để ấm đất đai, là trước sau đều cẩn thận, mồ mả cho yên người chết, há nên coi thường. Nhưng chẳng qua chọn lấy nơi khô ráo, lánh năm mối lo là những nơi đầu non, đuôi nước, chùa miếu, bình lửa, thị thành, để được yên tĩnh cho yên lòng người làm con thôi. Từ nay về sau nhà dân như có việc chôn, thì chỗ đất để mồ không cần phải tìm long mạch để cầu kết phát" (164 -165).

3. Về khao vọng: Gia Long định lệ: "Từ nay về sau, các lễ vui mừng, việc lớn cho dùng xôi lợn, không có thì nộp thay 3 quan tiền, việc nhỏ thì dùng xôi gà, không có thì nộp thay 1 quan 6 tiền" (tr. 163).

4. Về thờ thần thờ Phật: Vẫn dẫn lời của sách *Kinh*: "cúng tế nhằm là bất kính" và sách *Truyện*: "Kính quỷ thần mà nên ở xa", Gia Long khuyên các làng xã:

- Không xây mới, tu bổ đình miếu theo hướng xa hoa lộng lẫy: "Miếu vũ nếu có trùng tu và làm mới thì chỉ cho làm một gian nội từ và ba gian trung đường, hai cột nghi môn không được chạm khắc sơn vẽ. Miếu sở không được gọi lán là

điện; đồ tế khí nghi trượng không được sơn son thếp vàng; màn tán cờ quạt chỉ dùng vải lụa nhuộm mùi, không được thêu văn vẽ. Chùa quán có đổ nát mới được tu bổ, còn làm chùa mới và tô tượng đúc chuông, đàn chay hội chùa, hết thảy đều cấm. Sư sãi có kẻ chân tu thì xã trưởng sở tại phải khai rõ tính danh quán chỉ, đem nộp quan trấn để biết rõ số" (tr. 166).

- Hạn chế việc tổ chức hội hè tế lễ kéo dài và tốn kém: "Từ nay về sau, các vị thần công đức nếu tế bằng trâu bò thì phải làm đơn xin quan phủ huyện, xét đáng mới cho. Hàng năm tế tự, vào đám hát xướng, chỉ cho một ngày một đêm, thưởng lễ không được quá phí. Khi tế cho dùng chuông trống làm lễ, tế xong thì thôi. Còn bao nhiêu trò về khác thì đều cấm cả" (tr. 166).

5. Đối với những hiện tượng mê tín trong chữa bệnh, vua khuyên và ra lệnh: "Từ nay dân gian có đau ốm, chỉ nên cầu thuốc để trị, cẩn thận đi đứng, nhất thiết chớ nên tin nghe bọn yêu tà mà cầu cúng xằng xiên. Những bọn thầy pháp cô đồng cũng không được sùng phụng hương lửa để nương tai trừ họa. Nếu quen giữ thói cũ, ắt bị nghiêm trị" Vua cũng ra lệnh trị tội nặng những kẻ truyền đọc sách sấm và soạn bầy các câu hò về.

Những chủ trương biện pháp trên đây của vua Gia Long thực chất là nhằm can thiệp vào phong tục tập quán làng xã, là biểu hiện cho việc sử dụng quyền lực hành chính của Nhà nước quân chủ để củng cố phép nước, hạn chế những tác động tiêu cực của lệ làng. Đúng như Gia Long đã thừa nhận trong ĐLHD: "Những điều trên này, đều là nên cố đổi tệ cũ, kính giữ giáo điều. Nếu cứ quen theo thói làng, can phạm phép nước, có người phát giác thì xã trưởng phải đồ, lưu viễn châu, dân hạ, nặng thì sung dịch phu, nhẹ thì xử roi hay trượng, để bớt tổn phí cho dân, mà

giữ phong tục thuần hậu". Thái độ đó của vua nhìn chung mang tính tích cực, vì trên thực tế, nhiều tập tục của làng xã được biểu hiện cụ thể bằng lệ làng khi đó đã trở thành gánh nặng, thậm chí là tai họa thực sự đối với người nông dân.

Nhìn chung lại, toàn bộ những ý tưởng, cũng là những chủ trương và biện pháp trên đây của Gia Long nhằm chi phối và kiểm soát chặt chẽ làng xã; chứng tỏ ông thực sự coi việc quản lý nông thôn là một nội dung đặc biệt quan trọng trong chính sách cai trị của mình. Tham vọng của Gia Long là muốn dùng pháp luật và thông qua bộ máy quản lý làng xã để chi phối mọi mặt đời sống của từng cộng đồng cư dân đó. Ông cũng chủ trương lợi dụng thiết chế tự trị để kiểm soát hoạt động của bộ máy quản lý làng xã. Tất nhiên, ông vẫn ý thức được tính hai mặt của bộ máy quản lý này nhưng vẫn duy trì nó và thông qua nó - kể trực tiếp nắm giữ lệ làng là một thứ vũ khí lợi hại để chi phối mọi mặt đời sống xã thôn. Ông muốn can thiệp vào tập tục làng xã, trên thực tế là để điều chỉnh lệ làng, cụ thể là hương ước nhằm loại bỏ những điều khoản có khả năng làm tổn hại đến luật nước.

Những ý tưởng cùng những chủ trương biện pháp của Gia Long nhằm cải

tổ bộ máy quản lý và phong tục tập quán làng xã trên đây được thực thi và có hiệu quả ra sao? Rất tiếc, chính sử hầu như không ghi chép gì về vấn đề này, ngoại trừ một vài đoạn về nạn hào cường qua đó chứng tỏ cách đặt vấn đề cải tổ bộ máy quản lý làng xã của Gia Long vẫn chưa được thực hiện. Còn đối với phong tục làng xã, cần có những tài liệu thực địa để làm sáng tỏ, cụ thể là phải xem xét có bao nhiêu đình chùa, đền miếu được xây dựng dưới thời Gia Long với quy mô kiến trúc và nội thất như thế nào, phải nghiên cứu trong những bản hương ước được soạn thảo dưới thời Gia Long, nội dung các điều khoản về ma chay, khao vọng, tế tự ra sao...Đấy còn là một khoảng đất trống đang gọi các nhà sử học và dân tộc học vào khai thác.

Dù những ý tưởng cùng những chủ trương, biện pháp cải tổ bộ máy quản lý và phong tục tập quán làng xã của vua Gia Long được thi có hiệu quả như thế nào thì điều đó vẫn thể hiện ông là bậc vua rất quan tâm và hiểu biết rất sâu sát những vấn đề cốt yếu của đời sống làng xã, nhận thức được một cách sâu sắc vai trò quan trọng của việc quản lý làng xã trong quản lý đất nước./.